

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05-3-2025

V/v: *Không công nhận quan hệ
vợ chồng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2024/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị S, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản X, xã MG, huyện QN, tỉnh Sơn La.

2. *Bị đơn:* Anh Lương Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tiểu khu BT, thị trấn TC (trước đây là bản BT, xã CL), huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn chị Lò Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị S và anh Lương Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2015 cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn, chị S và anh T đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Chị Lò Thị S yêu cầu ly hôn với anh Lương Văn T.

Về con chung: Chị Lò Thị S và anh Lường Văn T có 02 con chung là: Cháu Lường Văn T, sinh ngày 10/01/2011 và cháu Lường Văn N, sinh ngày 05/5/2012. Hiện nay cháu T đang ở với anh Lường Văn T, còn cháu N đang ở với chị Lò Thị S.

Chị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lường Văn N và giao cháu Lường Văn T cho anh Lường Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị S cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai và tại phiên hòa giải, bị đơn anh Lường Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lường Văn T và chị Lò Thị S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2010 cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn, anh T và chị S đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Chị Lò Thị S yêu cầu ly hôn với anh Lường Văn T, anh T nhất trí ly hôn với chị Lò Thị S.

Về con chung: Anh Lường Văn T và chị Lò Thị S có 02 con chung là: Cháu Lường Văn T, sinh ngày 10/01/2011 và cháu Lường Văn N, sinh ngày 05/5/2012. Hiện nay cháu T đang ở với anh Lường Văn T, còn cháu N đang ở với chị Lò Thị S.

Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lường Văn T và giao cháu Lường Văn N cho chị Lò Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Anh Lường Văn T cam đoan không có nợ chung.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, điều kiện nuôi con và ý kiến của con chung tại địa chỉ nơi cư trú của các đương sự:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 31/12/2024 xác định: Chị Lò Thị S và anh Lường Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 và không đăng ký kết hôn với nhau đến nay đã sống ly thân được một thời gian dài, nguyên nhân mâu thuẫn không nắm được. Chị Lò Thị S và anh Lường Văn T có 02 con chung: Cháu Lường Văn T đang ở với anh Lường Văn T, còn cháu Lường Văn N đang ở với chị Lò Thị S. Anh T, chị S đều có khả năng và điều kiện nuôi con.

Ý kiến của cháu Lường Văn T, sinh ngày 10/01/2011 (Biên bản ghi ý kiến ngày 14/01/2025): Cháu Lường Văn T có nguyện vọng muốn ở với anh Lường Văn T.

Ý kiến của cháu Lường Văn N, sinh ngày 05/5/2012 (Biên bản ghi ý kiến ngày 14/01/2025): Cháu Lường Văn N có nguyện vọng muốn ở với chị Lò Thị S.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lò Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị S giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện và phiên hòa giải.

Anh Lường Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Anh T giữ nguyên ý kiến như trình bày trong phiên hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị S và anh Lường Văn T.

Về con chung: Giao cháu Lường Văn T, sinh ngày 10/01/2011 cho anh Lường Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Lường Văn N, sinh ngày 05/5/2012 cho chị Lò Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lò Thị S và anh Lường Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị S yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lường Văn T có nơi cư trú tại Tiểu khu BT, thị trấn TC (trước đây là bản BT, xã CL), huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lò Thị S, bị đơn anh Lường Văn T vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị S và anh Lường Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 và không đăng ký kết hôn. Chị S yêu cầu ly hôn anh Lường Văn T. Anh Lường Văn T nhất trí ly hôn với chị Lò Thị S.

Xét thấy: Chị Lò Thị S và anh Lường Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Việc kết hôn không đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do đó không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Không công nhận quan hệ giữa chị Lò Thị S và anh Lường Văn T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị S và anh Lường Văn T có 02 con chung là: Cháu Lường Văn T, sinh ngày 10/01/2011 và cháu Lường Văn N, sinh ngày 05/5/2012. Hiện tại cháu Lường Văn T ở với anh Lường Văn T, còn cháu Lường Văn N ở với chị Lò Thị S.

Chị Lò Thị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lường Văn N và giao cháu Lường Văn T cho anh Lường Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Lường Văn T nhất trí với ý kiến của chị Lò Thị S về nuôi con chung.

Ý kiến của cháu Lường Văn N có nguyện vọng muốn ở với chị Lò Thị S. Ý kiến của cháu Lường Văn T có nguyện vọng muốn ở với anh Lường Văn T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ý kiến của chị Lò Thị S, anh Lường Văn T đồng nhất với nguyện vọng của cháu Lường Văn N và cháu Lường Văn T. Chị S và anh T đều có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập. Trong thời gian chị Lò Thị S và anh Lường Văn T sống ly thân, chị S và anh T đều đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các cháu về mọi mặt. Do đó cần chấp nhận ý kiến của các đương sự, giao cháu Lường Văn T cho anh Lường Văn T và giao cháu Lường Văn N cho chị Lò Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị S và anh Lường Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị S và anh Lương Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn chị Lò Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lò Thị S và anh Lương Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Văn T, sinh ngày 10/01/2011 cho anh Lương Văn T và giao cháu Lương Văn N, sinh ngày 05/5/2012 cho chị Lò Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị S và anh Lương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị S và anh Lương Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La theo biên lai thu số: 0001887, ngày 12/12/2024.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị S, anh Lương Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Thịnh